

BẢNG TỔNG HỢP TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM TRA
CỦA TRUNG TÂM TƯ VẤN KINH TẾ XÂY DỰNG – CỤC KINH TẾ-QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỐI VỚI
DỰ THẢO THÔNG TƯ ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH, MIỄN KIỂM ĐỊNH LẦN ĐẦU CHO
XE CƠ GIỚI, XE MÁY CHUYÊN DÙNG; CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
XE CƠ GIỚI CẢI TẠO, XE MÁY CHUYÊN DÙNG CẢI TẠO

Ngày 10/3/2025, Trung tâm tư vấn kinh tế xây dựng – Cục kinh tế - quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Xây dựng có Văn bản số 05/2025/TTTV-TV về việc thẩm tra kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo, Cục ĐKVN đã hoàn thiện Hồ sơ Báo cáo kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo trình Bộ Xây dựng, cụ thể:

Stt	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Báo cáo sau khi tiếp thu ý kiến
1	Điểm d mục 1 phần III.2 (chất lượng hồ sơ xây dựng định mức): <i>“Điều chỉnh lại cho đúng đơn vị tính đối với hao phí phương tiện máy móc, thiết bị được nêu tại mục 6.2 phần I Báo cáo kết quả xây dựng định mức.”</i>	Tổ soạn thảo xin tiếp thu và chỉnh sửa đơn vị tính hao phí máy móc thiết bị điều chỉnh từ “công” sang “ca”.	- Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị: + “Máy in giấy A4”: mức hao phí đề nghị áp dụng 0.0045 (ca) + “Máy phô tô”: mức hao phí đề nghị áp dụng 0.0024 (ca)
2	Mục 2 phần III.2: <i>2. Phần Phiếu khảo sát:</i> a) Về sự đầy đủ của thông tin trên phiếu:	Tổ soạn thảo đã rà soát và bổ sung đầy đủ “thời gian thực hiện khảo sát” trong một số Phiếu khảo sát do bên thẩm tra yêu cầu.	Đã bổ sung đầy đủ thời gian thực hiện khảo sát vào một số phiếu khảo sát.

	Đối với thời điểm thực hiện khảo sát: một số phiếu khảo sát chưa có thời gian thực hiện, cụ thể: + 12 phiếu khảo sát cho 01 định mức lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng được miễn kiểm định lần đầu; + 4 phiếu khảo sát cho 01 định mức cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; + 4 phiếu khảo sát cho 01 định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo không phải lập hồ sơ thiết kế; + 5 phiếu khảo sát cho 01 định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; + 01 phiếu khảo sát cho 01 định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy cải tạo. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam bổ sung thời điểm thực hiện khảo sát tại các phiếu.		
3	b) Về thành phần ký phiếu khảo sát: Theo hướng dẫn tại mục III.4 của Phụ lục kèm theo Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải,	Tổ soạn thảo đã rà soát toàn bộ phiếu khảo sát và đã bổ sung thành phần ký phiếu khảo sát vào một số phiếu còn thiếu theo ý kiến của đơn vị thẩm tra cho phù hợp với quy định	Đã bổ sung đầy đủ thành phần ký phiếu khảo sát vào một số phiếu khảo sát còn thiếu.

	Phiếu khảo sát phải có xác nhận của cơ quan chủ trì xây dựng định mức, đơn vị thực hiện dịch vụ sự nghiệp công, đơn vị xây dựng định mức. Hiện nay, các phiếu khảo sát do Cục Đăng kiểm Việt Nam cung cấp cho đơn vị thẩm tra chưa đầy đủ thành phần ký như quy định nêu trên. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam bổ sung thành phần ký phiếu khảo sát cho phù hợp với quy định mục III.4 của Phụ lục kèm theo Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải.	mục III.4 của Phụ lục kèm theo Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao thông vận tải.	
4	c) Về một số nội dung cần lưu ý trong phần phiếu khảo sát: Đối với trường hợp phiếu khảo sát giả định - không có đối tượng để thực hiện khảo sát (gồm 04 phiếu khảo sát giả định cho định mức cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo (<i>mã hiệu CLGCN.02</i>) và 01 phiếu khảo sát giả định cho định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy cải tạo (<i>mã hiệu CNXCT.20</i>)), đơn vị Tư vấn thẩm tra đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp tục thực hiện khảo sát để chuẩn xác hao phí định mức đối với 02 công việc nêu trên.	Đối với <i>mã hiệu CLGCN.02</i> - cấp lại giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo và <i>mã hiệu CNXCT.20</i> định mức chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe mô tô, xe gắn máy cải tạo: Khi có dịch vụ thực hiện trong thực tế, Cục ĐKVN sẽ tiến hành gửi phiếu khảo sát cho đơn vị đăng kiểm thực hiện và xác định các thành phần hao phí thực tế đề nghị Bộ Xây dựng cập nhật để chuẩn xác hao phí đối với hai định mức trên.	
5	Cục Đăng kiểm Việt Nam tự rà soát	Sau khi tiếp thu ý kiến của đơn	

		vị Thẩm tra báo cáo, Cục Đăng kiểm Việt Nam tự rà soát và đề nghị xin tự chỉnh sửa:	
5.1		1. Thống nhất tên gọi thành phần hao phí “Giấy in A4” trong các bảng định mức (Báo cáo chưa thống nhất “Giấy A4”, “Giấy A4 để phô tô”)	Sửa thống nhất trong các bảng định mức: “Giấy in A4”; “Giấy photo A4”
5.2	(2.2) Đối với tất cả các mã định mức trong danh mục: Qua quá trình khảo sát, Nhóm khảo sát thấy rằng các đơn vị sử dụng máy in không giống nhau hoặc máy in giống nhau nhưng các loại mực sử dụng không giống nhau, không đồng đều về mặt chất lượng vì vậy, đề nghị thống nhất mức tiêu hao “mực máy in” cụ thể như sau: + “Mực máy in giấy A4”: mức hao phí đề nghị áp dụng 0.000625/tờ + “Mực in Giấy chứng nhận và tem kiểm định”: mức hao phí đề nghị áp dụng 0,0013/bộ	2. Điều chỉnh lại đối với hao phí “Mực in” của các mã định mức CLGCN.02; KĐXMCD.17; CNXCT.18; CNXCT.19 trong Báo cáo đang lấy theo số hao phí trung bình của các phiếu khảo sát của từng mã, chưa thực hiện theo quy định chung tại điểm 2.2 mục 6.2 phần I.	Hao phí “Mực in”: - CLGCN.02: 0.0013 hộp - KĐXMCD.17: 0.0031 hộp - CNXCT.18: 0.01 hộp - CNXCT.19: 0.0113 hộp

5.3	Mã định mức số CNXCT.18: Nhân công Đăng kiểm viên: 0.2470 công	Tách riêng “hao phí cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định” trong Bảng định mức hao phí ở các mã định mức CNXCT.18, CNXCT.19, CNXCT.20 cho định dạng tương đồng với Bảng định mức hao phí của các mã định mức từ KĐCG.03 đến KĐCG.16 và KĐXMCD.17 đồng thời chỉnh sửa hao phí nhân công đối với “đăng kiểm viên” ở mã định mức số CNXCT.18 do lỗi chế bản.	- Đã tách riêng “hao phí cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định” trong Bảng định mức hao phí ở các mã định mức CNXCT.18, CNXCT.19, CNXCT.20. - Mã định mức số CNXCT.18: + Nhân công Đăng kiểm viên để kiểm tra đánh giá: 0.1445 công + Nhân công Đăng kiểm viên để in Giấy chứng nhận, tem kiểm định: 0,0079 công
5.4	Các mã định mức số CNXCT.18, CNXCT.19	“Hao phí cấp GCN, Tem KĐ” được tính bằng trung bình cộng của các PKS của 2 mã CNXCT.18 và CNXCT.19 do nội dung công việc ở cả 2 mã này là tương đồng.	
5.5	Các mã định mức số CNXCT.19, CNXCT.20	Tách riêng “Hao phí kiểm tra, đánh giá” thành 2 nội dung “Hao phí đọc hồ sơ thiết kế” và “Hao phí kiểm tra, đánh giá xe” ở mã định mức CNXCT.19 và CNXCT.20 để tính chi phí riêng cho từng nội dung công việc.	
5.6		Chỉnh sửa các lỗi chính tả và thống nhất chữ viết tắt trong báo cáo.	

